

QUYẾT ĐỊNH

Phân cấp phê duyệt hỗ trợ liên kết theo quy mô vốn đầu tư và địa bàn thực hiện liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ khoản 3 Điều 17 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ Về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số **115**/TTr-SNN ngày **29** tháng **4** năm 2021 về dự thảo Quyết định Phân cấp phê duyệt hỗ trợ liên kết theo quy mô vốn đầu tư và địa bàn thực hiện liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định thẩm quyền phê duyệt hỗ trợ liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng: Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nội dung phân cấp

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/phòng Kinh tế là đơn vị giải quyết thủ tục hành chính, tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt và tổ chức thực hiện, quản lý dự án hoặc kế hoạch liên kết sau:

1. Đối với kế hoạch liên kết hoặc dự án liên kết theo hình thức chuỗi giá trị (gọi chung là liên kết) có phạm vi thực hiện trên địa bàn một (01) huyện và có mức đề nghị hỗ trợ từ nguồn ngân sách tỉnh dưới 03 tỷ đồng.

2. Đối với kế hoạch hoặc dự án liên kết thực hiện trên địa bàn 01 huyện bằng nguồn ngân sách huyện hỗ trợ theo các mức hỗ trợ quy định tại Nghị quyết số 21/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 21/2020/NĐ-NDND).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Phát triển nông thôn) là đơn vị giải quyết thủ tục hành chính, tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện hỗ trợ liên kết sau:

Đối với liên kết có phạm vi thực hiện trên địa bàn từ 02 huyện trở lên;

Đối với liên kết có mức đề nghị hỗ trợ từ nguồn ngân sách tỉnh từ 03 tỷ đồng trở lên;

Đối với liên kết thuộc mô hình liên kết điểm;

Hồ sơ đề nghị hỗ trợ liên kết thực hiện theo Quyết định ban hành thủ tục hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Chủ trì thực hiện và hướng dẫn các hình thức trong chuỗi liên kết; lập hồ sơ, trình tự thủ tục và thẩm định cho các đối tượng tham gia liên kết được hưởng các chính sách hỗ trợ theo phân cấp;

c) Ban hành Hướng dẫn thực hiện chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Nghị quyết số 21/2020/NQ-HĐND;

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 21/2020/NQ-HĐND;

đ) Hỗ trợ cấp huyện xây dựng mức hỗ trợ theo các hình thức trong chuỗi liên kết; hướng dẫn lập hồ sơ, trình tự thủ tục và thẩm định cho các đối tượng tham gia liên kết được hưởng các chính sách hỗ trợ theo phân cấp;

e) Xây dựng các mô hình liên kết điểm và thực hiện các hỗ trợ liên kết cấp tỉnh gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới;

g) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch, phối hợp với sở, ngành liên quan kiểm tra tình hình thực hiện hỗ trợ các dự án/kế hoạch liên kết trên địa bàn tỉnh;

h) Tổng hợp tình hình thực hiện hỗ trợ liên kết trên địa bàn tỉnh và báo cáo định kỳ về Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định;

i) Phối hợp Sở Tài chính tham mưu bố trí vốn thực hiện kế hoạch liên kết theo Nghị quyết số 21/2020/NQ-HĐND từ nguồn vốn chương trình, đề án, dự án của tỉnh.

2. Sở Tài chính

Hàng năm chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, cân đối, lồng ghép nguồn vốn và tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương thực hiện hỗ trợ các dự án liên kết theo quy định. Hướng dẫn thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ các mô hình liên kết theo đúng quy định hiện hành.

3. Sở Ngoại vụ

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hỗ trợ các hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp có yếu tố nước ngoài.

4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ trên địa bàn;

b) Hướng dẫn xây dựng hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân trên cơ sở hợp đồng hoặc dự án liên kết. Xây dựng kế hoạch hỗ trợ liên kết hàng năm theo phân cấp;

c) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn cấp huyện thực hiện theo Quyết định ban hành thủ tục hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện hỗ trợ liên kết trên địa bàn. Báo cáo định kỳ hằng quý, 06 tháng, hằng năm (chậm nhất vào ngày 20 của tháng cuối kỳ

báo cáo) gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh;

Đối với những nội dung không có quy định trong Quyết định này thì thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 5 năm 2021./. 

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Như điều 4;
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (KTVB);
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Trung tâm Công báo – Tin học tỉnh;
- Báo BRVT;
- Lưu: VT, SNNPTNT (02b).

(5)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

K. CHỦ TỊCH 

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Công Vinh